

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ KUIN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 16/2020/DS-ST

Ngày: 27/8/2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Dương Điềm.

Bà Phan Thị Thiện.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại phòng xử án B trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-DS ngày 23/6/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Địa chỉ: Số 40-42-44 P, Phường V, TP. R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoài S, chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng cá nhân kiêm Trưởng phòng khách hàng doanh nghiệp Ngân hàng TMCP K- Chi nhánh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 146 đường H, TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

**- Bị đơn:** Ông Cao Xuân C, sinh năm 1985 và bà Phan Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn 1A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K trình bày như sau:**

Ngày 14/12/2016 ông Cao Xuân C và bà Phan Thị T (bị đơn) có vay vốn tại Ngân hàng TMCP K – chi nhánh Đắk Lắk (nguyên đơn) theo HĐTD số 952/16/HĐTD/0700-4055 số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 10.44%/năm, kể từ tháng thứ 04 tính từ ngày giải ngân đầu tiên, LSV được điều chỉnh 03 tháng/lần và LSV điều chỉnh được tính như sau: LSV bằng (=) Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của loại tiền mà bên B đang vay, loại lãi cuối kỳ do Bên A công bố tại thời điểm thay đổi LSV cộng (+) biên độ 3.69%/năm. LSV sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại Bên A (cùng loại hình và phương thức vay), lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay đang áp dụng tại thời điểm liền trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Đến ngày 14/12/2017 bị đơn đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi số tiền gốc là 550.000.000 đồng, lãi trong hạn là 123.469.597 đồng và lãi phạt là 684.260 đồng. Từ ngày 14/12/2017 đến nay bị đơn không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc còn lại 650.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cho nguyên đơn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên bị đơn đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất theo HĐTC số: 952/16/HĐTC-BĐS/0700-4055 ngày 12/12/2016 như sau:

- Thửa đất số 31a, tờ bản đồ số 19 diện tích 319 m<sup>2</sup>. Địa chỉ: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay thuộc huyện C). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 678621 do UBND huyện K cấp ngày 14/06/2004 cho bị đơn.

- Thửa đất số 3, tờ bản đồ số 4 diện tích 11550 m<sup>2</sup>. Địa chỉ: Thôn 1B, xã E huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay thuộc huyện C). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 553485 do UBND huyện K cấp ngày 23/11/2007 cho bị đơn.

Các tài sản trên được thế chấp thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 952/16/HĐTC-BĐS/0700-4055 ngày 12/12/2016 và được đăng ký giao dịch đảm bảo tại văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 14/12/2016.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay bị đơn nợ tạm tính đến ngày 27/8/2020, bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng cộng: 938.430.188 đồng, trong đó gốc là 650.000.000 đồng và tiền lãi 288.430.188 đồng, tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 952/16/HĐTD/0700-4055 kể từ ngày 28/8/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng để thu hồi nợ cho nguyên đơn.

Quá trình tố tụng nguyên đơn đã tạm ứng nộp 8.084.000 đồng gồm chi phí giám định và thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn.

\* **Bị đơn** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên không ghi nhận được quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin** phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS. Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa và đương sự có mặt đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng không có lý do nên HĐXX áp dụng quy định tại các điều 227, 228 BLTTDS để giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các điều 463, 466, 468, 470 BLDS 2015; Luật các tổ chức tín dụng:

Đề nghị HĐXX, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 938.430.188đồng, trong đó gốc là 650.000.000đồng và tiền lãi 288.430.188đồng, tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 952/16/HĐTD/0700-4055 kể từ ngày 28/8/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trường hợp bị đơn không trả hết nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng số: 952/16/HĐTC-BDS/0700-4055 ngày 12/12/2016 để thu hồi nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và tranh luận của đương sự tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại các điều 26, 35, 39 BLTTDS.

[2] Về trình tự thủ tục: Bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc cũng như phiên tòa nên HĐXX áp dụng các điều 227, 228 BLTTDS để xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[3] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Bị đơn không có mặt tại địa phương nên nguyên đơn không giao nhận được các tài liệu khởi kiện theo quy định pháp luật. Quá trình tố tụng đương sự có mặt đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định pháp luật và tại phiên tòa không cung cấp chứng cứ gì thêm. Do đó HĐXX sẽ xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ vụ án.

[4] Về nội dung:

Ngày 14/12/2016 nguyên đơn có ký hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ số 952/16/HĐTD/0700-4055 cho bị đơn vay số tiền 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, quá thời hạn trên bị đơn không trả hết nợ cho nguyên đơn dẫn đến vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ.

Quá trình tố tụng theo nguyên đơn cung cấp chứng cứ bị đơn đã trả số tiền gốc là 550.000.000đồng, lãi trong hạn là 123.469.597đồng và lãi phạt là 684.260đồng, bị đơn vắng mặt nên không thể hiện được số tiền nợ, tiền đã trả nên HĐXX căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án.

[4.1] Xét quá trình tố tụng bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú và cũng chính là địa

chỉ ghi trong hợp đồng, mặc dù Tòa án đã thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật tại các số báo 28, 29, 30 và Đài tiếng nói Việt Nam vào các ngày 19, 20, 21 tháng 4 năm 2020. Nhưng hết thời hạn thông báo bị đơn vẫn không có mặt để trình bày quan điểm, ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có căn cứ xem xét.

Tại Kết luận giám định số 42/PC09 ngày 18/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

*“Chữ ký, chữ viết mang tên Cao Xuân C dưới mục “Đại diện bên B” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1 (Hợp đồng cấp tín dụng ngắn hạn) và dưới mục “Bên vay” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A2 (Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ) so với chữ ký, chữ viết đứng tên Cao Xuân C trong tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1 (Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và/hoặc tài sản gắn liền với đất), là do cùng một người ký và viết ra.*

*Chữ ký, chữ viết mang tên Phan Thị T dưới mục “Đại diện bên B” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A1 và dưới mục “Bên vay” trong tài liệu cần giám định kí hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phan Thị T trong tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, là do cùng một người ký và viết ra”.*

Xét hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện rõ số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Để đảm bảo cho khoản vay bị đơn có thể chấp cho nguyên đơn tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 678621, thửa đất số 31a, tờ bản đồ số 19 diện tích 319 m<sup>2</sup> do UBND huyện K cấp ngày 14/06/2004 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 553485, thửa đất số 3, tờ bản đồ số 4 diện tích 11550 m<sup>2</sup> do UBND huyện K cấp ngày 23/11/2007 đều tọa lạc tại xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk mang tên ông Cao Xuân C và bà Phan Thị T là đúng theo trình tự thế chấp tài sản được lập tại Văn phòng công chứng T nên cần ghi nhận tính hợp pháp của các hợp đồng nêu trên buộc các bên thực hiện.

Như vậy đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Quá trình vay bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi cho nguyên đơn nên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 938.430.188đồng, trong đó gốc là 650.000.000đồng và tiền lãi 288.430.188đồng (tính đến ngày 27/8/2020) và tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 28/8/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[4.2] Trường hợp bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp số: 952/16/HĐTC-BDS/0700-4055 ngày 12/12/2016 và được đăng ký giao dịch đảm bảo tại văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 14/12/2016 để thu hồi nợ.

**[5] Về chi phí tố tụng:** Bị đơn phải chịu 8.084.000 đồng về chi phí giám định và thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú. Nguyên đơn được nhận lại số tiền trên sau khi thu được của bị đơn.

**[6] Về án phí:** Bị đơn phải chịu án phí DSST là 40.152.905đồng. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.130.000đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Về điều luật áp dụng:**

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 157, 161, 165, 203, 227, 228, 266 BLTTDS;

Căn cứ các điều 463, 466, 468, 470 BLDS;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K.**

Buộc bị đơn ông Cao Xuân C và bà Phan Thị T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K tổng số tiền 938.430.188đồng, trong đó gốc là 650.000.000đồng và tiền lãi 288.430.188đồng (tính đến ngày 27/8/2020).

Tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 952/16/HĐTD/0700-4055 kể từ ngày 28/8/2020 đến khi bị đơn ông Cao Xuân C và bà Phan Thị T trả hết nợ.

Trường hợp bị đơn ông Cao Xuân C và bà Phan Thị T không thanh toán được các khoản nợ thì xử lý toàn bộ tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 952/16/HĐTC-BĐS/0700-4055 ngày 12/12/2016 và được đăng ký giao dịch đảm bảo tại văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 14/12/2016 để thu hồi nợ.

### **2. Về chi phí tố tụng:**

Bị đơn ông Cao Xuân C và bà Phan Thị T phải chịu 8.084.000 đồng về chi phí giám định và thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K được nhận lại số tiền trên sau khi thu được của bị đơn ông C, bà T.

### **3. Về án phí:**

Trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền 18.130.000đồng đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai thu số AA/2019/0006936 ngày 14/01/2020.

Bị đơn ông Cao Xuân C và bà Phan Thị T phải chịu 40.152.905đồng án phí dân sự sơ thẩm.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành*

*án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.*

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- CCTHADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hồng Thanh**

